

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2021/HSST
Ngày 03-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH P TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà T Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuyên
2. Ông Nguyễn X Thu

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2021/TLST-HS ngày 08/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo: **Hoàng Văn V** - Sinh năm 1969. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Hoàng Văn V, sinh năm 1947; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1947. Vợ: Lê Thị T (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996)

Tiền sự: không; Tiền án: 01- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2013/HSST ngày 16/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo V 08 năm tù về tội

“Mua bán trái phép chất ma túy” (bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 28/4/2019)

Nhân thân: Tại Bản án số 18/2007/HSST ngày 31/5/2007 Hoàng Văn V bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Tại Quyết định số 02/QĐ-TA ngày 09/11/2020, Hoàng Văn V bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 20 tháng.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ Cơ sở 1 (xã Y, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ). Có mặt tại phiên tòa.

+ **Bị hại:** ông Hoàng Văn X, Sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Phi L, Sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 19, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu 12, xã V, huyện T, Phú Thọ (vắng mặt)

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu T, xã H, huyện C, Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 24/11/2020, Hoàng Văn V, SN 1969 ở khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ đi xe đạp đến khu V, xã Đ, huyện C thì thấy nhà của ông Hoàng Văn X, SN 1966 ở khu V, xã Đ không có ai ở nhà. V để xe đạp tại bờ rào nhà ông X, sau đó đi theo lối bờ rào vào trong sân. V phát hiện thấy cửa sắt để vào phía sau quán bán hàng tạp hóa của nhà ông X không khóa nên đi lại dùng tay kéo cánh cửa sắt và đi vào trong quán. Khi vào trong V nhìn thấy trên giường trong quán có đặt một chiếc hòm bằng gỗ. V dùng tay phải cạy nắp hòm gỗ ra và thấy bên trong có nhiều buộc tiền với nhiều mệnh giá khác nhau gồm từ 1.000đ đến 50.000đ, 01 chiếc ví nữ bằng vải màu xám, kiểu ví ngang bên trong có nhiều thẻ cào Viettel bao gồm các mệnh giá

20.000đ, 50.000đ, 100.000đ và 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ. Tổng giá trị tiền và thẻ cào điện thoại để trong hòm gỗ là 16.300.000đ (trong đó có 12.000.000đ tiền mặt và 4.300.000đ tiền thẻ). V lấy toàn bộ tiền và ví có thẻ cào điện thoại ở trên rồi đi ra khỏi quán. Sau đó, V lấy xe đạp đi ra đường quốc lộ 32C hướng đi huyện T. Khi đi đến khu vực gần cây xăng T, huyện T thì V gặp một người mua sắt vụn, không rõ tên tuổi, địa chỉ. V đã bán chiếc xe đạp của mình cho người mua sắt vụn trên với giá 50.000đ. Sau đó V bắt xe khách đi đến ngã tư C, huyện T rồi đi bộ về hướng đi huyện T. Khi đi đến quán mua bán xe máy cũ của anh Trần Phi L, SN 1988 ở khu 19, xã V, huyện T, là chủ cửa hàng, V đã hỏi mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu WAVE SALUT màu xanh, đã qua sử dụng, BKS 24K9-7612 với giá 2.700.000đ, anh L đồng ý bán (V không nói cho anh L biết tiền mua xe máy là do V trộm cắp mà có). Mua xe xong, V điều khiển xe quay lại ngã tư C và đi về hướng huyện C. Trên đường đi, khi đến quán mua sắt vụn của anh Nguyễn Anh T, SN 1993 ở khu 12, xã V, huyện T, V hỏi anh T có mua thẻ điện thoại không V bán rẻ cho, khi anh T hỏi nguồn gốc thẻ cào thì V nói số thẻ cào trên là do V đi đòi nợ người ta trả mà có nên anh T đồng ý mua. V đã bán cho anh T thẻ cào Viettel gồm các thẻ có mệnh giá 100.000đ, 50.000đ và 20.000đ với tổng giá trị theo mệnh giá là 1.600.000đ với giá 1.100.000đ. Sau đó, V tiếp tục bán hết số thẻ cào điện thoại Viettel còn lại cho người đi đường dọc theo đường Quốc lộ 32C khu vực từ cầu T đến ngã ba xã Đ, huyện C. Đối với số tiền trộm cắp và bán thẻ cào có được ở trên, V đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Đến khoảng 18 giờ ngày 25/11/2020 khi V đang chơi ở nhà anh Lê Ngọc T, SN 1968 ở khu T, xã H, huyện C (là bạn của V) thì công an xã H mời về trụ sở làm việc. V đã để lại chiếc xe máy nhãn hiệu WAVE SALUT màu xanh, đã qua sử dụng BKS 24K9-7612 tại sân nhà anh T (V không nói với anh T về nguồn gốc chiếc xe trên). Tại UBND xã H, V đã đưa cho anh Hoàng Văn H, SN 1983 ở khu T, xã H, huyện C (là em trai ruột của V) chiếc ví nữ màu xám bên trong ví có chứa 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ và một số tiền Việt Nam đồng gồm các tờ có mệnh giá 1.000đ, 2.000đ và 5.000đ (cả V và anh H đều không biết cụ thể có bao nhiêu tiền trong ví). Khi đưa V không nói cho anh H biết nguồn gốc số tiền và chiếc ví trên là do V trộm cắp mà có. Do V đồng ý cho anh H tiêu số tiền trong ví, nên số tiền này anh H đã tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm:

Thu giữ của anh Nguyễn Anh T: 03 thẻ cào mệnh giá 100.000đ và 18 thẻ cào mệnh giá 50.000đ của nhà mạng Viettel; Thu giữ của anh Hoàng Văn H: 01 ví nữ bằng vải, màu xám, loại ví ngang đã cũ, bên trong ví có 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ; 01 đăng ký xe mô tô số 0018354 của chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612;

Thu của anh Lê Ngọc T: 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE SALUT màu xanh, BKS 24K9-7612; Thu giữ của anh Trần Phi L số tiền 2.700.000đ.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trình bày như sau:

- Bị cáo Hoàng Văn V khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông Hoàng Văn X gồm tiền mặt và các thẻ cào điện thoại có tổng giá trị là 16.300.000đ.

- Ông Hoàng Văn X đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho ông giá trị tài sản bị mất là 16.300.000đ

- Anh Nguyễn Phi L đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho gia đình anh chiếc xe mô tô BKS 24K9 – 7612 và giấy đăng ký xe.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSCK -HS ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Hoàng Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn V phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Đề nghị HĐXX xem xét:

- Trả lại cho anh Nguyễn Phi L 01 chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612 và 01 đăng ký xe mô tô số 0018354 của chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612.

- Trả cho ông Hoàng Văn X số tiền 2.700.000đ; 01 ví nữ bằng vải, màu xám, loại ví ngang đã cũ, bên trong ví có 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ; 03 thẻ cào mệnh giá 100.000đ và 18 thẻ cào mệnh giá 50.000đ của nhà mạng Viettel.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hoàng Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Văn V số tiền và giá trị thẻ còn thiếu là 12.360.000đ

Về án phí: Bị cáo V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 618.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

+ *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn V đã thừa nhận:

Khoảng hơn 07 giờ ngày 24/11/2020, tại quán tạp hóa nhà ông Hoàng Văn X, bị cáo Hoàng Văn V đã trộm cắp 12.000.000đ tiền mặt và một số thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel, Vinaphone có tổng giá trị theo mệnh giá là 4.300.000đ để trong 01 ví nữ màu xám, ở trong hòm gỗ đặt trên giường. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 16.300.000đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Hoàng Văn V phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự;

+ *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, đã ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu (có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích. Năm 2007 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại bản án này bị cáo đã được xóa án tích. Tháng 11/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 20 tháng). Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng đối với bị cáo hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Qua xác minh, bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy xét nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[3]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với vật chứng thu giữ là 01 chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612 và 01 đăng ký xe mô tô số 0018354 của chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Phi L. Anh L không biết bị cáo V đã sử dụng số tiền trộm cắp được để mua xe của anh L. Hiện anh L đã nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền bị cáo trả tiền mua xe. Vì vậy xét trả lại cho anh Nguyễn Phi L 01 xe mô tô trên là phù hợp.

- Đối với vật chứng thu giữ gồm: số tiền 2.700.000đ; 01 ví nữ bằng vải, màu xám, loại ví ngang đã cũ, bên trong ví có 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ; 03 thẻ cào mệnh giá 100.000đ và 18 thẻ cào mệnh giá 50.000đ của nhà mạng Viettel: đây là tài sản của ông Hoàng Văn X do V trộm cắp, xét trả lại cho ông X là phù hợp pháp luật.

Tổng giá trị tài sản V trộm cắp của ông X là 16.300.000đ. Tuy nhiên vật chứng thu hồi để trả lại cho ông X còn là 2.700.000đ tiền mặt và các loại thẻ cào có giá trị là 1.240.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông X yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông toàn bộ giá trị tài sản đã bị V trộm cắp. Vì vậy, buộc V phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông X số tiền là 12.360.000đ.

Đối với số tiền 1.100.000đ anh Nguyễn Anh T đã trả cho bị cáo để mua số thẻ cào điện thoại, quá trình điều tra anh T không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền trên, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự; Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn V phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

[2] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Trả lại cho anh Nguyễn Phi L 01 chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612 và 01 đăng ký xe mô tô số 0018354 của chiếc xe mô tô BKS 24K9-7612

- Trả lại cho ông Hoàng Văn X 01 ví nữ bằng vải, màu xám, loại ví ngang đã cũ, bên trong ví có 02 thẻ cào Vinaphone mệnh giá 20.000đ; 03 thẻ cào mệnh giá 100.000đ và 18 thẻ cào mệnh giá 50.000đ của nhà mạng Viettel

(Các vật chứng có tình trạng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/02/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê)

Trả lại cho ông Hoàng Văn X số tiền 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng theo biên lai thu tiền số 0002067 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê lập ngày 29/01/2021.

Buộc bị cáo Hoàng Văn V phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Văn X số tiền 12.360.000đ (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 618.000đ (Sáu trăm mười tám nghìn đồng chẵn) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn V, ông X (người bị hại), anh L (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T, anh H (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Những người TGT
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Cẩm Khê;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

